

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TRƯỜNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 2908/2023/CV-ATG

Bình Định, ngày 29 tháng 08 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

I. Tổ chức công bố thông tin

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần An Trường An
- Mã chứng khoán: ATG
- Địa chỉ trụ sở chính: số 347 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Điện thoại: Fax:
- Website: <https://atajsc.vn/>
- Loại CBTT: Định kỳ

II. Nội dung thông tin công bố

- Báo cáo tài chính Văn phòng Công ty CP An Trường An và Báo cáo tài chính Công ty CP An Trường An bán niên 2023 (đã soát xét);
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC bán niên 2023 so với cùng kỳ năm 2022. Đường dẫn đăng tải công bố thông tin như sau: <https://atajsc.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP.



Võ Quý Lâm

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
AN
TRƯỜNG
AN**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN
DN: C=VN, L=BÌNH ĐỊNH, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN AN
TRƯỜNG AN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:4100577172, E=
LETRUCVI253@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2023.08.29
17:30:19
+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
12.1.0

**CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TRƯỜNG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2908/2023/ATG-TCKT

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
trên BCTC hợp nhất bán niên 2023
so với cùng kỳ năm 2022

Bình Định, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần An Trường An (Mã chứng khoán: ATG) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế (LNST) trên Báo cáo tài chính bán niên 2023 (đã soát xét) so với cùng kỳ năm 2022 như sau :

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam (VND)

Chỉ tiêu	Bán niên 2023	Bán niên 2022	Chênh lệch	
			(VND)	Tỷ lệ %
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.230.976.826	-	32.230.976.826	
Giá vốn	31.286.269.762	-	31.286.269.762	
Chi phí bán hàng	24.000.000	-	24.000.000	
Chi phí QLDN	311.337.269	16.589.280.417	(16.277.943.148)	98,12
Thu nhập khác	300	-	300	
Chi phí khác	37.474.838	218.760	37.256.078	17.030,57
Lợi nhuận sau thuế	458.973.209	(16.588.995.554)	17.047.968.763	

Nguyên nhân LNST bán niên 2023 biến động trên 10% so với cùng kỳ năm 2022:

Lợi nhuận sau thuế bán niên 2023 biến động tăng lớn so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân như sau:

Công ty đang trong quá trình tái cấu trúc vì vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty đã bắt đầu phục hồi nhưng lợi nhuận chưa cao.

Hoạt động của Chi nhánh Hồ Chí Minh đóng góp lớn vào lợi nhuận của công ty.



Kết quả

Lợi nhuận sau thuế trên BCTC bán niên 2023 (đã soát xét) của CTCP An Trường An đạt 458.973.209 đồng, tăng 17.047.968.763 đồng so với cùng kỳ năm 2022.

Kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P.TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY
CỔ PHẦN
AN
TRƯỜNG
AN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN AN TRƯỜNG AN
DN: C=VN, L=BÌNH ĐỊNH, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN AN
TRƯỜNG AN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:4100577172, E=
LETRUCV1253@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2023.08.29 17:29:07+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.0



CÔNG TY
CỔ PHẦN
AN
TRƯỜNG
AN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN AN TRƯỜNG AN
DN: C=VN, L=BÌNH ĐỊNH, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN AN
TRƯỜNG AN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:4100577172, E=
LETRUCVI253@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2023.08.29 21:20:16+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 12.0.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-26

M.Đ.Đ.Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty Cổ phần An Trường An.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần An Trường An (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Kinh doanh vật liệu xây dựng: đá ốp lát, nhôm;

Thi công xây dựng.

Tên tiếng Anh: AN TRUONG AN JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ATA JSC.

Mã chứng khoán: ATG.

Trụ sở chính: Số 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Số 132 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Phú	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Trần Thiên Hà	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Nguyễn Anh Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Đồng Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Võ Quý Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Thái Thiện Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)
Bà Phan Bích Nga	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Đồng Giang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)

Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

Ông Võ Quý Lâm	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phụ trách kế toán

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Ông Nguyễn Hữu Phú	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 03/6/2023) (*)
Ông Trần Thiên Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 03/6/2023) (*)
Ông Võ Quý Lâm	Tổng Giám Đốc

(*) Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật trên giấy đăng ký kinh doanh.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (Moore AISC) được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Công ty


Võ Quý Lâm
Tổng Giám đốc

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số: A0823335-SXR/MOORE AISC-DN5

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của **Công ty Cổ phần An Trường An** (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Tại mục 1, thuyết minh VIII.5, thông tin về việc Công ty thực hiện xóa các khoản nợ phải thu, các khoản trả trước cho người bán, các khoản ký quỹ, ký cược, các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tương ứng và bù trừ công nợ phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay phải trả của Công ty trong năm 2022. Đến thời điểm lập báo cáo này, Chúng tôi vẫn không được cung cấp các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến vấn đề này, do đó Chúng tôi không thể xác định tính chính xác, tính đầy đủ, tính hiện hữu, các quyền và nghĩa vụ đối với các số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và việc ghi nhận xóa nợ, bù trừ công nợ của Công ty. Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Cụ thể:

Khoản mục	Giá trị ghi sổ xóa nợ/bù trừ công nợ trong năm 2022 (VND)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.595.518.636
Trả trước cho người bán ngắn hạn	327.000.000
Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác	113.995.151.700
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(50.312.633.659)
Phải trả cho người bán ngắn hạn	10.303.026.500
Phải trả ngắn hạn khác	254.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.200.000.000

- Tại mục 2, thuyết minh VIII.5, thông tin về việc Công ty điều chỉnh giảm tài sản dở dang dài hạn có giá trị ghi sổ là 36.870.197.869 VND, điều chỉnh giảm toàn bộ nguyên giá tài sản cố định hữu hình, giá trị hao mòn lũy kế với giá trị ghi sổ lần lượt là 4.005.171.397 VND, 3.090.591.914 VND, điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp có giá trị ghi trên sổ sách là 115.102.693 VND trong năm 2022. Chúng tôi vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các vấn đề này. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

- Như đã trình bày tại thuyết minh VIII.6, đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2023, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty trên Bảng cân đối kế toán (mã số 400) chỉ còn lại 523.615.904 VND. Hoạt động chính của Công ty là thương mại và dịch vụ. Tuy nhiên, các hoạt động này chỉ mới được khôi phục không đáng kể do Công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng mới để phục hồi và phát triển Công ty. Tổng Giám đốc Công ty có đánh giá liên quan đến khả năng hoạt động liên tục được trình bày tại VIII.5 trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Tuy nhiên kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Tổng Giám đốc còn phụ thuộc vào việc huy động các nguồn đầu tư từ Cổ đông, Ngân hàng, các đối tác và sự thành công trong việc khôi phục hoạt động kinh doanh của Công ty, khả năng tạo tiền để duy trì các nhu cầu hoạt động bình thường. Thực tế cho thấy việc tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán số A0622398-K/MOORE AISC-DN5 ngày 31 tháng 3 năm 2023, kiểm toán viên từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán.



Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174-2020-005-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

17-
TY
4
DỊCH
C
AISC
50

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.378.516.371	5.834.817.735
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.175.629.441	11.254.695
1. Tiền	111		1.175.629.441	11.254.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.995.566.583	5.823.563.040
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	12.337.929.615	5.823.563.040
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	286.776.050	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	370.860.918	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	5.656.861.397	-
1. Hàng tồn kho	141		5.656.861.397	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		550.458.950	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.591.723	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		532.867.227	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.378.516.371	5.834.817.735

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		19.854.900.467	5.770.175.040
I. Nợ ngắn hạn	310		19.854.900.467	5.770.175.040
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.6	12.465.529.765	5.765.904.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.7	6.067.662.441	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	251.086.291	4.271.040
4. Phải trả người lao động	314		165.501.970	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	905.120.000	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		523.615.904	64.642.695
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	523.615.904	64.642.695
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.200.000.000	152.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.200.000.000	152.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.670.872.657	5.670.872.657
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(157.347.256.753)	(157.806.229.962)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(157.806.229.962)	(34.440.300.885)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		458.973.209	(123.365.929.077)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.378.516.371	5.834.817.735



Nguyễn Thanh Tùng
Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Võ Quý Lâm
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	32.230.976.826	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		32.230.976.826	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.286.269.762	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		944.707.064	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		227.818	503.623
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.3a	24.000.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3b	311.337.269	16.589.280.417
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		609.597.613	(16.588.776.794)
11. Thu nhập khác	31		300	-
12. Chi phí khác	32		37.474.838	218.760
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(37.474.538)	(218.760)
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		572.123.075	(16.588.995.554)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	113.149.866	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		458.973.209	(16.588.995.554)
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	30	(1.090)
19. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	30	(1.090)



Nguyễn Thanh Tùng
Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Võ Quý Lâm
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		572.123.075	(16.588.995.554)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	66.784.417
- Các khoản dự phòng	03	VI.3b	-	16.410.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		572.123.075	(112.211.137)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(7.704.870.770)	(620.000.000)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(5.656.861.397)	-
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		13.971.575.561	-
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(17.591.723)	-
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.164.374.746	(732.211.137)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		1.164.374.746	(732.211.137)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.254.695	920.416.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	1.175.629.441	188.205.672



Nguyễn Thanh Tùng

Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Võ Quý Lâm

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần An Trường An (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Tên tiếng Anh: AN TRUONG AN JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ATA JSC.

Mã chứng khoán: ATG.

Trụ sở chính: Số 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Số 132 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng: đá ốp lát, nhôm;

Thi công xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Văn phòng Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty phát sinh thêm hoạt động kinh doanh thi công xây dựng do thành lập chi nhánh Công ty ở Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2023: 08 nhân viên. (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 05 nhân viên).

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị hạch toán độc lập

Công ty Cổ phần An Trường An - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 69 Mai Chí Thọ, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ và kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất thực hiện xây lắp các công trình xây dựng cơ bản dở dang.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá thực tế đích danh (văn phòng) và bình quân gia quyền (chi nhánh Hồ Chí Minh).

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo Quy chế lương của Công ty và theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

7. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong năm; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành áp dụng tại Công ty là 20%.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

12. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

13. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền

Tiền mặt

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

Cộng

30/6/2023

01/01/2023

27.046.977

-

1.148.582.464

11.254.695

1.175.629.441

11.254.695

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hòa Bình	-	-	5.823.563.040	-
Công ty Cổ phần Đá ốp lát Hưng Thịnh	12.337.929.615	-	-	-
Cộng	12.337.929.615	-	5.823.563.040	-
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Miwa	285.035.050	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.741.000	-	-	-
Cộng	286.776.050	-	-	-
4. Phải thu khác ngắn hạn	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	348.180.918	-	-	-
Ký quỹ, ký cược tiền thuê văn phòng	22.680.000	-	-	-
Cộng	370.860.918	-	-	-
5. Hàng tồn kho	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX, KD dở dang	68.549.897	-	-	-
Hàng hoá	5.588.311.500	-	-	-
Cộng	5.656.861.397	-	-	-
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.				
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.				
6. Phải trả người bán ngắn hạn	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đá thạch anh Khang Minh	-	-	5.765.904.000	5.765.904.000
Công ty Cổ phần APG Capital	12.465.529.765	12.465.529.765	-	-
Cộng	12.465.529.765	12.465.529.765	5.765.904.000	5.765.904.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

7. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	30/6/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuất nhập khẩu An Khang	5.950.000.000	-
Các khách hàng khác	117.662.441	-
Cộng	6.067.662.441	-

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/6/2023
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.271.040	155.600.839	26.956.111	132.915.768
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	113.149.866	-	113.149.866
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.782.697	1.762.040	5.020.657
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	4.271.040	279.533.402	32.718.151	251.086.291

9. Phải trả khác ngắn hạn	30/6/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	620.000	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Giang (*)	904.500.000	-
Cộng	905.120.000	-

(*) Đây là khoản tiền hỗ trợ hoạt động cho Công ty Cổ phần An Trường An - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

10. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
6 tháng đầu năm 2022				
Số dư đầu kỳ	152.200.000.000	5.670.872.657	(34.440.300.885)	123.430.571.772
Lỗ trong kỳ	-	-	(16.588.995.554)	(16.588.995.554)
Số dư cuối kỳ	152.200.000.000	5.670.872.657	(51.029.296.439)	106.841.576.218
6 tháng đầu năm 2023				
Số dư đầu kỳ	152.200.000.000	5.670.872.657	(157.806.229.962)	64.642.695
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	458.973.209	458.973.209
Số dư cuối kỳ	152.200.000.000	5.670.872.657	(157.347.256.753)	523.615.904

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2023	01/01/2023
Ông Võ Quý Lâm	9,12%	13.882.000.000	13.882.000.000
Các cổ đông khác	90,88%	138.318.000.000	138.318.000.000
Cộng	100%	152.200.000.000	152.200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

10. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Cổ phiếu	30/6/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.220.000	15.220.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.220.000	15.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.220.000</i>	<i>15.220.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.220.000	15.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.220.000</i>	<i>15.220.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
d. Các quỹ của doanh nghiệp	30/6/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	5.670.872.657	5.670.872.657
Cộng	5.670.872.657	5.670.872.657

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

11. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	30/6/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Alpha M.A.I Việt Nam	2.042.861.136	2.042.861.136
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	32.812.269.773	32.812.269.773
Ông Lê Văn Huyền	7.200.000.000	7.200.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu Công nghiệp Sơn Mỹ	70.500.000.000	70.500.000.000
Ông Trương Đình Xuân	17.704.799.427	17.704.799.427
Các đối tượng khác	657.740.000	657.740.000
Cộng	130.917.670.336	130.917.670.336

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	30.674.968.440	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.556.008.386	-
Cộng	32.230.976.826	-
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.422.179.150	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	864.090.612	-
Cộng	31.286.269.762	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
3. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.000.000	-
Cộng	24.000.000	-
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	146.079.950	-
Chi phí vật liệu, bao bì	727.270	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.277	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	66.784.417
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	16.410.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.414.181	112.463.000
Chi phí bằng tiền khác	92.017.591	33.000
Cộng	311.337.269	16.589.280.417
4. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	200.464.856	-
Chi phí nhân công	723.281.150	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	66.784.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.214.181	112.463.000
Chi phí khác bằng tiền	92.017.591	33.000
Cộng	1.263.977.778	179.280.417
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	572.123.075	(16.588.995.554)
Tại Văn phòng Công ty Cổ phần An Trường An	43.848.584	(16.588.995.554)
Tại Công ty Cổ phần An Trường An - Chi nhánh Hồ Chí Minh	528.274.491	-
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.373.746)	-
a. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Văn phòng Công ty Cổ phần An Trường An	(43.848.584)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(43.848.584)	-
+ Chuyển lỗ từ các năm trước	(43.848.584)	-
b. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần An Trường An		
- Chi nhánh Hồ Chí Minh	37.474.838	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	37.474.838	-
+ Các chi phí bị loại trừ khi tính thuế TNDN	37.474.838	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)		
3. Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (1+2)	565.749.329	(16.588.995.554)
Tại Văn phòng Công ty Cổ phần An Trường An	-	(16.588.995.554)
Tại Công ty Cổ phần An Trường An - Chi nhánh Hồ Chí Minh	565.749.329	-
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	113.149.866	-
Tại Văn phòng Công ty Cổ phần An Trường An	-	-
Tại Công ty Cổ phần An Trường An - Chi nhánh Hồ Chí Minh	113.149.866	-

Nghĩa vụ của Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của cơ quan thuế.

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	458.973.209	(16.588.995.554)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	458.973.209	(16.588.995.554)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.220.000	15.220.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(1.090)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	(1.090)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không phát sinh.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ: không phát sinh.
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ: không phát sinh.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

3. Giao dịch với các bên liên quan**Danh sách các bên liên quan**

Ông Nguyễn Hữu Phú

Ông Nguyễn Đồng Giang

Ông Đỗ Minh Đức

Ông Nguyễn Anh Thông

Ông Võ Quý Lâm

Ông Trần Thiên Hà

Ông Thái Thiện Quang

Bà Nguyễn Thị Phương

Bà Phan Bích Nga

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG

Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Công ty Cổ phần APG Energy Nghệ An

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)

Thành viên Hội đồng Quản trị / Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)

Thành viên Hội đồng Quản trị / Thành viên Ủy ban Kiểm toán (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)

Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)

Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)

Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)

Ông Võ Quý Lâm là thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Thái Thiện Quang là thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 12/5/2023)

Ông Nguyễn Đồng Giang là Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đồng Giang là thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Minh Đức là thành viên Hội đồng Quản trị

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với các bên liên quan

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.556.008.386	-
Cộng	1.556.008.386	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan: không phát sinh.

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Võ Quý Lâm	59.230.769	-
Cộng	59.230.769	-

Trong 6 tháng đầu 2023, Hội đồng quản trị Công ty không nhận bất kỳ khoản lương, thưởng nào.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: thương mại và dịch vụ. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Thương mại	30.674.968.440	30.422.179.150	252.789.290
Dịch vụ	1.556.008.386	864.090.612	691.917.774
Cộng	32.230.976.826	31.286.269.762	944.707.064

5. Thông tin khác

- (1) Trong năm 2022, Văn phòng Công ty đã thực hiện xóa các khoản nợ phải thu, các khoản trả trước cho người bán, các khoản ký quỹ, ký cược, các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tương ứng và bù trừ công nợ phải người bán của Công ty. Cụ thể:

Khoản mục	Giá trị	Lý do
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Cổ phần Alpha M.A.I Việt Nam	2.042.861.136	Khoản nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	14.552.657.500	
Cộng	16.595.518.636	
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Xây dựng và Hạ tầng Đô thị Hoàng An	200.000.000	Không thể yêu cầu thực hiện tiếp hợp đồng và cũng không thể thu hồi được.
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	84.000.000	
Công ty Tư vấn Môi trường	43.000.000	
Cộng	327.000.000	
Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ	330.740.000	Khoản nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	18.259.612.273	
Ông Lê Văn Huyền	7.200.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu Công nghiệp Sơn Mỹ	70.500.000.000	
Ông Trương Đình Xuân	17.704.799.427	Bù trừ các khoản phải trả và xóa nợ
Cộng	113.995.151.700	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

5. Thông tin khác (tiếp theo)

Khoản mục	Giá trị	Lý do
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Công ty Cổ phần Alpha M.A.I Việt Nam	(2.042.861.136)	
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	(28.446.472.523)	
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu Công nghiệp Sơn Mỹ	(16.350.000.000)	
Ông Lê Văn Huyền	(2.160.000.000)	Các khoản nợ phải
Ông Trương Đình Xuân	(986.300.000)	thu khó đòi
Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Xây dựng và Hạ tầng Đô thị Hoàng An	(200.000.000)	
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	(84.000.000)	
Công ty Tư vấn Môi trường	(43.000.000)	
Cộng	(50.312.633.659)	
Phải trả cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Tường Thọ	2.000.000.000	Bù trừ công nợ với ông Trương Đình
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Nhân Hiếu	8.303.026.500	Xuân
Cộng	10.303.026.500	
Phải trả ngắn hạn khác		
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	254.000.000	Bù trừ công nợ với ông Trương Đình
Cộng	254.000.000	Xuân
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Ông Nguyễn Văn Trọng	1.200.000.000	Bù trừ công nợ với ông Trương Đình
Cộng	1.200.000.000	Xuân

(2) Trong năm 2022, Văn phòng Công ty đã điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị tài sản dở dang dài hạn, nguyên giá tài sản cố định hữu hình, giá trị hao mòn lũy kế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Cụ thể:

Khoản mục	Giá trị	Lý do
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (dự án Thủy Sơn Trang)	36.870.197.869	Dự án không thực hiện trong nhiều năm và bị thu hồi
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	4.005.171.397	Hư hỏng, bàn giao cho tổ chức khác
Giá trị hao mòn lũy kế	(3.090.591.914)	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	115.102.693	Giảm do đối chiếu với cục thuế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty trên Bảng cân đối kế toán (mã số 400) chỉ còn lại 523.615.904 VND. Điều trên gây nên quan ngại về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tổng Giám đốc đã có những xem xét thận trọng và đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong 12 tháng tới cùng với các kế hoạch hoạt động trong tương lai như sau:

- Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng trong các năm tiếp theo;
- Tăng cường tìm kiếm khách hàng và cơ hội đầu tư mới;
- Tìm kiếm các nguồn vay từ các đối tác của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc, Cổ Đông để có dòng tiền hoạt động cho Công ty;
- Xây dựng phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và lựa chọn thời điểm phù hợp;
- Công ty có đủ nguồn lực để thanh toán các khoản nợ phải trả hiện tại.

Do đó, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tới.

Nguyễn Thanh Tùng
Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Võ Quý Lâm
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY
CỔ PHẦN AN
TRƯỜNG AN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TRƯỜNG AN
DN: C=VN, L=BÌNH ĐỊNH, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:4100577172, E=LETRUCVI253@
GMAIL.COM
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2023.08.29 21:16:28+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 12.0.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01-02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11-12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-23

* M. U. N. I. C.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 của Văn phòng Công ty Cổ phần An Trường An (gọi tắt là "Văn phòng Công ty").

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần An Trường An (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty

Kinh doanh vật liệu xây dựng: đá ốp lát, nhôm.

Tên tiếng Anh: AN TRUONG AN JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ATA JSC.

Mã chứng khoán: ATG.

Trụ sở chính: Số 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Số 132 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Văn phòng Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính giữa niên độ kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Phú	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Trần Thiên Hà	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Nguyễn Anh Thông	Thành viên
Ông Nguyễn Đồng Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Võ Quý Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Thái Thiện Quang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)
Bà Phan Bích Ngà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 03/6/2023)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Đồng Giang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)

Tổng Giám đốc và Phụ trách kế toán

Ông Võ Quý Lâm	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phụ trách kế toán

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Ông Nguyễn Hữu Phú	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 03/6/2023) (*)
Ông Trần Thiên Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 03/6/2023) (*)
Ông Võ Quý Lâm	Tổng Giám Đốc

(*) Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật trên giấy đăng ký kinh doanh.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (Moore AISC) được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 của Văn phòng Công ty.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Văn phòng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Văn phòng Công ty


Võ Quý Lâm
Tổng Giám đốc

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số: A0823335-SXVP/MOORE AISC-DN5

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**KÍNH GỬI: QUÝ CỎ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của **Văn phòng Công ty Cổ phần An Trường An** (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

- Tại mục 1, thuyết minh VIII.5, thông tin về việc Văn phòng Công ty thực hiện xóa các khoản nợ phải thu, các khoản trả trước cho người bán, các khoản ký quỹ, ký cược, các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tương ứng và bù trừ công nợ phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay phải trả của Văn phòng Công ty trong năm 2022. Đến thời điểm lập báo cáo này, Chúng tôi vẫn không được cung cấp các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến vấn đề này, do đó Chúng tôi không thể xác định tính chính xác, tính đầy đủ, tính hiện hữu, các quyền và nghĩa vụ đối với các số dư này tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và việc ghi nhận xóa nợ, bù trừ công nợ của Văn phòng Công ty. Vì vậy, Chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Cụ thể:



Khoản mục	Giá trị ghi sổ xóa nợ/bù trừ công nợ trong năm 2022 (VND)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.595.518.636
Trả trước cho người bán ngắn hạn	327.000.000
Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác	113.995.151.700
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(50.312.633.659)
Phải trả cho người bán ngắn hạn	10.303.026.500
Phải trả ngắn hạn khác	254.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.200.000.000

- Tại mục 2, thuyết minh VIII.5, thông tin về việc Văn phòng Công ty điều chỉnh giảm tài sản dở dang dài hạn có giá trị ghi sổ là 36.870.197.869 VND, điều chỉnh giảm toàn bộ nguyên giá tài sản cố định hữu hình, giá trị hao mòn lũy kế với giá trị ghi sổ lần lượt là 4.005.171.397 VND, 3.090.591.914 VND, điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp có giá trị ghi trên sổ sách là 115.102.693 VND trong năm 2022. Chúng tôi vẫn không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các vấn đề này. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

- Như đã trình bày tại thuyết minh VIII.6, đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2023, nguồn vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty trên Bảng cân đối kế toán (mã số 400) chỉ còn lại 108.491.279 VND. Hoạt động chính của Văn phòng Công ty là thương mại. Tuy nhiên, hoạt động này chỉ mới được khôi phục không đáng kể do Văn phòng Công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng mới để phục hồi và phát triển Văn phòng Công ty. Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty có đánh giá liên quan đến khả năng hoạt động liên tục được trình bày tại VIII.5 trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Tuy nhiên kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính của Tổng Giám đốc còn phụ thuộc vào việc huy động các nguồn đầu tư từ Cổ đông, Ngân hàng, các đối tác và sự thành công trong việc khôi phục hoạt động kinh doanh của Văn phòng Công ty, khả năng tạo tiền để duy trì các nhu cầu hoạt động bình thường. Thực tế cho thấy việc tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Vấn đề khác

Tại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán số A0622398-R/MOORE AISC-DN5 ngày 31 tháng 3 năm 2023, kiểm toán viên từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán.



.....
Lê Hưng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 3174-2020-005-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.545.244.121	5.834.817.735
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	86.135.779	11.254.695
1. Tiền	111		86.135.779	11.254.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.337.929.615	5.823.563.040
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	12.337.929.615	5.823.563.040
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	5.588.311.500	-
1. Hàng tồn kho	141		5.588.311.500	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		532.867.227	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		532.867.227	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.545.244.121	5.834.817.735

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.436.752.842	5.770.175.040
I. Nợ ngắn hạn	310		18.436.752.842	5.770.175.040
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.4	12.465.529.765	5.765.904.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.5	5.950.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	1.873.077	4.271.040
4. Phải trả người lao động	314		19.350.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.491.279	64.642.695
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.7	108.491.279	64.642.695
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.200.000.000	152.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.200.000.000	152.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.670.872.657	5.670.872.657
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(157.762.381.378)	(157.806.229.962)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(157.806.229.962)	(34.440.300.885)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.848.584	(123.365.929.077)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		18.545.244.121	5.834.817.735



Nguyễn Thanh Tùng
Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Võ Quý Lâm
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.674.968.440	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.674.968.440	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	30.422.179.150	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		252.789.290	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		206.932	503.623
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.3a	24.000.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3b	185.147.638	16.589.280.417
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		43.848.584	(16.588.776.794)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	218.760
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		-	(218.760)
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		43.848.584	(16.588.995.554)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		43.848.584	(16.588.995.554)



Nguyễn Thanh Tùng

Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.848.584	(16.588.995.554)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	66.784.417
- Các khoản dự phòng	03	VI.3b	-	16.410.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.848.584	(112.211.137)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(7.047.233.802)	(620.000.000)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(5.588.311.500)	-
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		12.666.577.802	-
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		74.881.084	(732.211.137)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		74.881.084	(732.211.137)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.254.695	920.416.809
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	86.135.779	188.205.672



Nguyễn Thanh Tùng

Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Võ Quý Lâm

Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần An Trường An (gọi tắt là "Văn phòng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Định cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Tên tiếng Anh: AN TRUONG AN JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: ATA JSC.

Mã chứng khoán: ATG.

Trụ sở chính: Số 347 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Số 132 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng: đá ốp lát, nhôm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Văn phòng Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ: không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2023: 05 nhân viên. (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 05 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ và kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng đầu năm của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Văn phòng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Văn phòng Công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Thực tế đích danh.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Văn phòng Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Văn phòng Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Văn phòng Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo Quy chế lương của Văn phòng Công ty và theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

6. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành áp dụng tại Văn phòng Công ty là 20%.

10. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Văn phòng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Văn phòng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

11. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Văn phòng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Văn phòng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2023	01/01/2023
Tiền		
Tiền mặt	19.253.737	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.882.042	11.254.695
Cộng	86.135.779	11.254.695

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hòa Bình	-	-	5.823.563.040	-
Công ty Cổ phần Đá ốp lát Hưng Thịnh	12.337.929.615	-	-	-
Cộng	12.337.929.615	-	5.823.563.040	-
3. Hàng tồn kho	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	5.588.311.500	-	-	-
Cộng	5.588.311.500	-	-	-
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.				
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.				
4. Phải trả người bán ngắn hạn	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đá thạch anh Khang Minh	-	-	5.765.904.000	5.765.904.000
Công ty Cổ phần APG Capital	12.465.529.765	12.465.529.765	-	-
Cộng	12.465.529.765	12.465.529.765	5.765.904.000	5.765.904.000
5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			30/6/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xuất nhập khẩu An Khang			5.950.000.000	-
Cộng			5.950.000.000	-
6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/6/2023
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.271.040	-	4.271.040	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.873.077	-	1.873.077
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.271.040	4.873.077	7.271.040	1.873.077

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

7. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
6 tháng đầu năm 2022				
Số dư đầu kỳ	152.200.000.000	5.670.872.657	(34.440.300.885)	123.430.571.772
Lỗ trong kỳ	-	-	(16.588.995.554)	(16.588.995.554)
Số dư cuối kỳ	152.200.000.000	5.670.872.657	(51.029.296.439)	106.841.576.218
6 tháng đầu năm 2023				
Số dư đầu kỳ	152.200.000.000	5.670.872.657	(157.806.229.962)	64.642.695
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	43.848.584	43.848.584
Số dư cuối kỳ	152.200.000.000	5.670.872.657	(157.762.381.378)	108.491.279

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2023	01/01/2023
Ông Võ Quý Lâm	9,12%	13.882.000.000	13.882.000.000
Các cổ đông khác	90,88%	138.318.000.000	138.318.000.000
Cộng	100,00%	152.200.000.000	152.200.000.000

c. Cổ phiếu

	30/6/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.220.000	15.220.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.220.000	15.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.220.000</i>	<i>15.220.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.220.000	15.220.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.220.000</i>	<i>15.220.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	5.670.872.657	5.670.872.657
Cộng	5.670.872.657	5.670.872.657

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

8. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	30/6/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Alpha M.A.I Việt Nam	2.042.861.136	2.042.861.136
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	32.812.269.773	32.812.269.773
Ông Lê Văn Huyền	7.200.000.000	7.200.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu Công nghiệp Sơn Mỹ	70.500.000.000	70.500.000.000
Ông Trương Đình Xuân	17.704.799.427	17.704.799.427
Các đối tượng khác	657.740.000	657.740.000
Cộng	130.917.670.336	130.917.670.336

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	30.674.968.440	-
Cộng	30.674.968.440	-
2. Giá vốn hàng bán	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Giá vốn của hàng hóa đã bán	30.422.179.150	-
Cộng	30.422.179.150	-
3. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.000.000	-
Cộng	24.000.000	-
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	59.230.769	-
Chi phí vật liệu, bao bì	727.270	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	66.784.417
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	16.410.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.414.181	112.463.000
Chi phí bằng tiền khác	53.775.418	33.000
Cộng	185.147.638	16.589.280.417
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.848.584	(16.588.995.554)
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(43.848.584)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(43.848.584)	-
+ Chuyển lỗ từ các năm trước	(43.848.584)	-
3. Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (1+2)	-	(16.588.995.554)
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Nghĩa vụ của Văn phòng Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, nên số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không phát sinh.
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không phát sinh.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ: không phát sinh.
4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ: không phát sinh.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Ông Nguyễn Hữu Phú

Ông Nguyễn Đồng Giang

Ông Đỗ Minh Đức

Ông Nguyễn Anh Thông

Ông Võ Quý Lâm

Ông Trần Thiên Hà

Ông Thái Thiện Quang

Bà Nguyễn Thị Phương

Bà Phan Bích Nga

Công ty Cổ phần Chứng khoán APG

Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Công ty Cổ phần APG Energy Nghệ An

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)

Thành viên Hội đồng Quản trị / Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)

Thành viên Hội đồng Quản trị / Thành viên Ủy ban Kiểm toán (bổ nhiệm ngày 03/6/2023)

Thành viên Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm 03/6/2023)

Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm 03/6/2023)

Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm 03/6/2023)

Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm 03/6/2023)

Ông Võ Quý Lâm là thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Thái Thiện Quang là thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 12/5/2023)

Ông Nguyễn Đồng Giang là Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đồng Giang là thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Minh Đức là thành viên Hội đồng Quản trị

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với các bên liên quan

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Cộng

**6 tháng đầu
năm 2023**

1.556.008.386

1.556.008.386

**6 tháng đầu
năm 2022**

-

-

34 / T H D C S C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan: không phát sinh.

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
Ông Võ Quý Lâm	59.230.769	-
Cộng	59.230.769	-

Trong 6 tháng đầu 2023, Hội đồng quản trị Công ty không nhận bất kỳ khoản lương, thưởng nào.

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Văn phòng Công ty chỉ phát sinh doanh thu cung ứng vật liệu xây dựng tại các tỉnh miền Bắc. Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Văn phòng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cũng như báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

5. Thông tin khác

- (1) Trong năm 2022, Văn phòng Công ty đã thực hiện xóa các khoản nợ phải thu, các khoản trả trước cho người bán, các khoản ký quỹ, ký cược, các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tương ứng và bù trừ công nợ phải người bán của Công ty. Cụ thể:

Khoản mục	Giá trị	Lý do
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Cổ phần Alpha M.A.I Việt Nam	2.042.861.136	Khoản nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	14.552.657.500	
Cộng	16.595.518.636	
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Xây dựng và Hạ tầng Đô thị Hoàng An	200.000.000	Không thể yêu cầu thực hiện tiếp hợp đồng và cũng không thể thu hồi được.
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	84.000.000	
Công ty Tư vấn Môi trường	43.000.000	
Cộng	327.000.000	
Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ	330.740.000	Khoản nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	18.259.612.273	
Ông Lê Văn Huyền	7.200.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu Công nghiệp Sơn Mỹ	70.500.000.000	
Ông Trương Đình Xuân	17.704.799.427	Bù trừ các khoản phải trả và xóa nợ
Cộng	113.995.151.700	

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN AN TRƯỜNG AN
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

5. Thông tin khác (tiếp theo)

Khoản mục	Giá trị	Lý do
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Công ty Cổ phần Alpha M.A.I Việt Nam	(2.042.861.136)	
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	(28.446.472.523)	
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Kết cấu Hạ tầng Khu Công nghiệp Sơn Mỹ	(16.350.000.000)	
Ông Lê Văn Huyền	(2.160.000.000)	Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi
Ông Trương Đình Xuân	(986.300.000)	
Công ty Cổ phần Tư vấn Quy hoạch Xây dựng và Hạ tầng Đô thị Hoàng An	(200.000.000)	
Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội	(84.000.000)	
Công ty Tư vấn Môi trường	(43.000.000)	
Cộng	(50.312.633.659)	
Phải trả cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Tường Thọ	2.000.000.000	Bù trừ công nợ với ông Trương Đình Xuân
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Nhân Hiếu	8.303.026.500	
Cộng	10.303.026.500	
Phải trả ngắn hạn khác		
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	254.000.000	Bù trừ công nợ với ông Trương Đình Xuân
Cộng	254.000.000	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Ông Nguyễn Văn Trọng	1.200.000.000	Bù trừ công nợ với ông Trương Đình Xuân
Cộng	1.200.000.000	

(2) Trong năm 2022, Văn phòng Công ty đã điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị tài sản dở dang dài hạn, nguyên giá tài sản cố định hữu hình, giá trị hao mòn lũy kế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Cụ thể:

Khoản mục	Giá trị	Lý do
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (dự án Thủy Sơn Trang)	36.870.197.869	Dự án không thực hiện trong nhiều năm và bị thu hồi
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	4.005.171.397	Hư hỏng, bàn giao cho tổ chức khác
Giá trị hao mòn lũy kế	(3.090.591.914)	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	115.102.693	Giảm do đối chiếu với cục thuế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Nguồn vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty trên Bảng cân đối kế toán (mã số 400) chỉ còn lại 108.491.279 VND. Điều trên gây nên quan ngại về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Tổng Giám đốc đã có những xem xét thận trọng và đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty trong 12 tháng tới cùng với các kế hoạch hoạt động trong tương lai như sau:

- Văn phòng Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng trong các năm tiếp theo;
- Tăng cường tìm kiếm khách hàng và cơ hội đầu tư mới;
- Tìm kiếm các nguồn vay từ các đối tác của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc, Cổ đông để có dòng tiền hoạt động cho Văn phòng Công ty;
- Xây dựng phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và lựa chọn thời điểm phù hợp;
- Văn phòng Công ty có đủ nguồn lực để thanh toán các khoản nợ phải trả hiện tại.

Do đó, Văn phòng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong 12 tháng tới.

Nguyễn Thanh Tùng
Phụ trách kế toán kiêm người lập biểu

Tp. Quy Nhơn, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2023



Võ Quý Lâm
Tổng Giám đốc